

Ngày	30,450 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	13.6%	21.3%	64.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,504 - 32,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,741
Số lượng CPLH (CP)	57,167,993
KLGD BQ 20 phiên (CP)	562,355
Sở hữu nước ngoài	5.9%
Beta	1.10
EPS	4,105
P/E	7.4

DT thuần

Q1/24

1,940

tỷ VNĐ

QoQ: ▼263| -11.9%

YoY: ▲ 597| 44.5%

LN trước thuế

Q1/24

91.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.7| 35.2%

YoY: ▲ 130| 332%

LN sau thuế

Q1/24

73.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.8| 45.0%

YoY: ▲ 113| 286%

ROA

2023

3.8%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2023

8,588

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00| 0.1%

LN trước thuế

2023

196

tỷ VNĐ

YoY: ▼38.0| -16.3%

LN sau thuế

2023

135

tỷ VNĐ

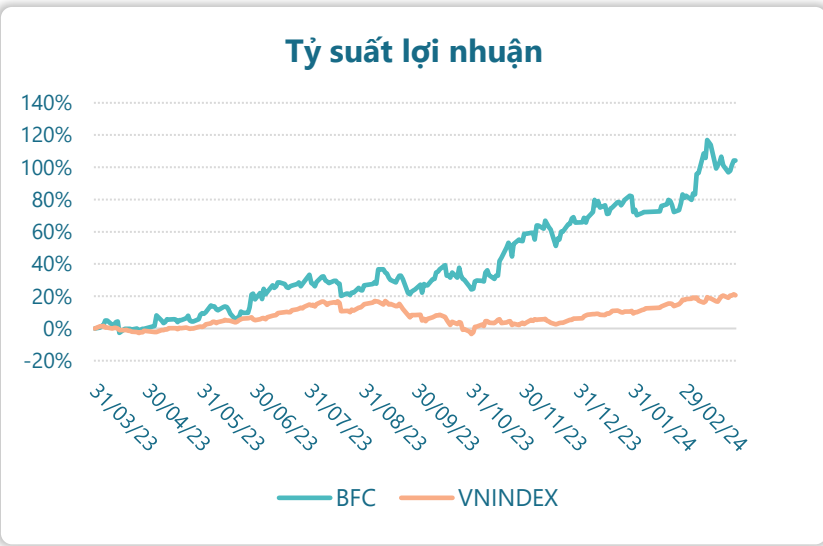
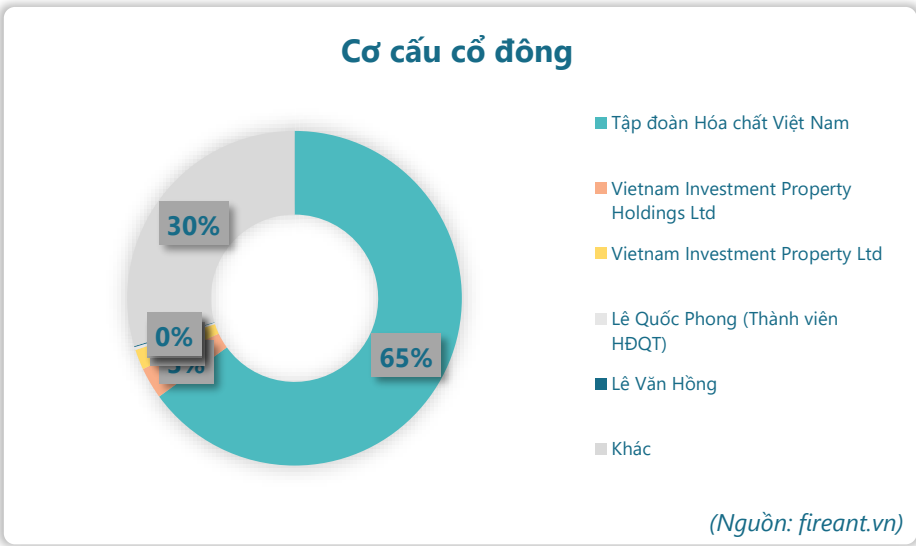
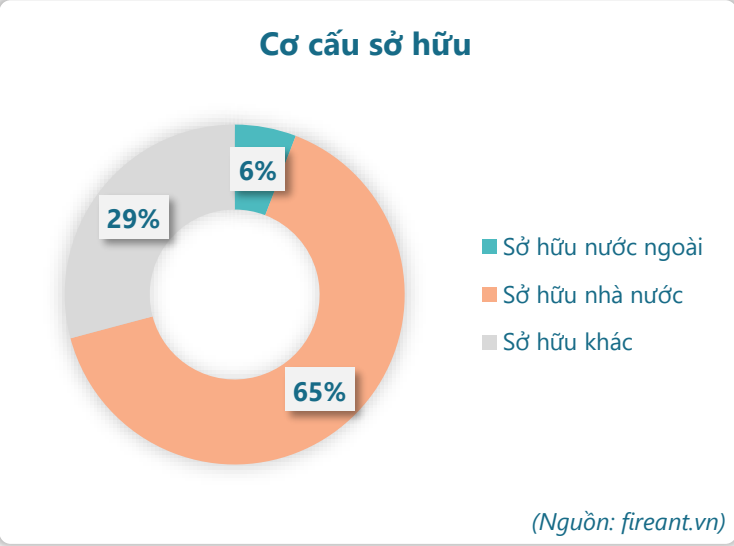
YoY: ▼50.0| -27.0%

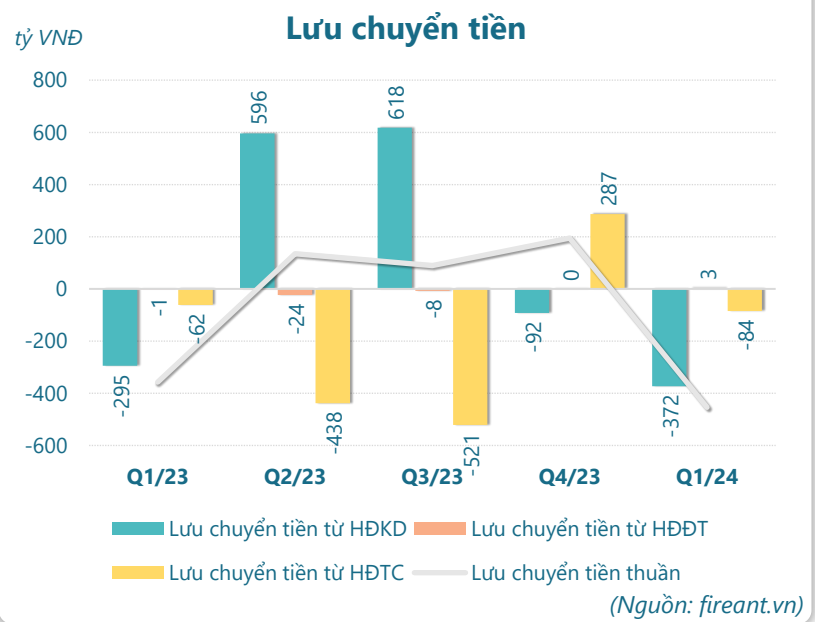
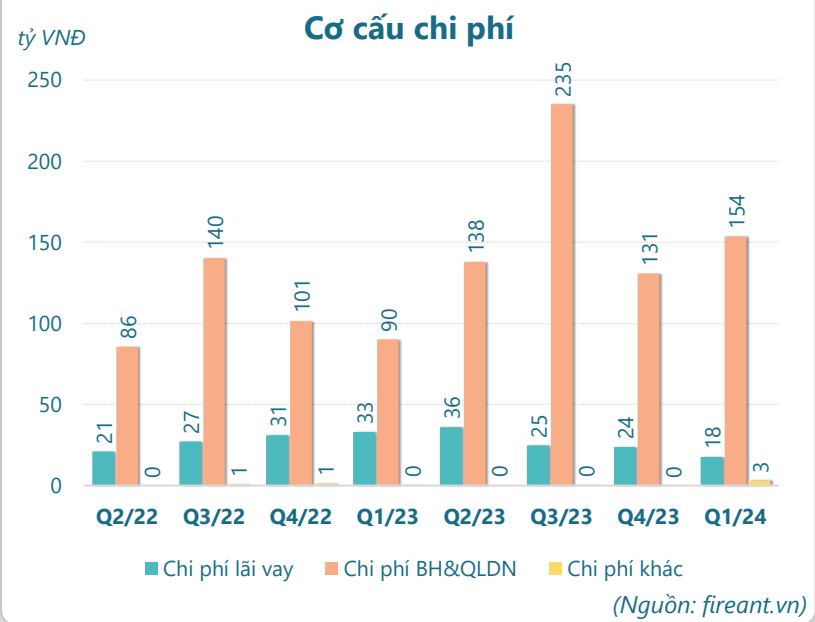
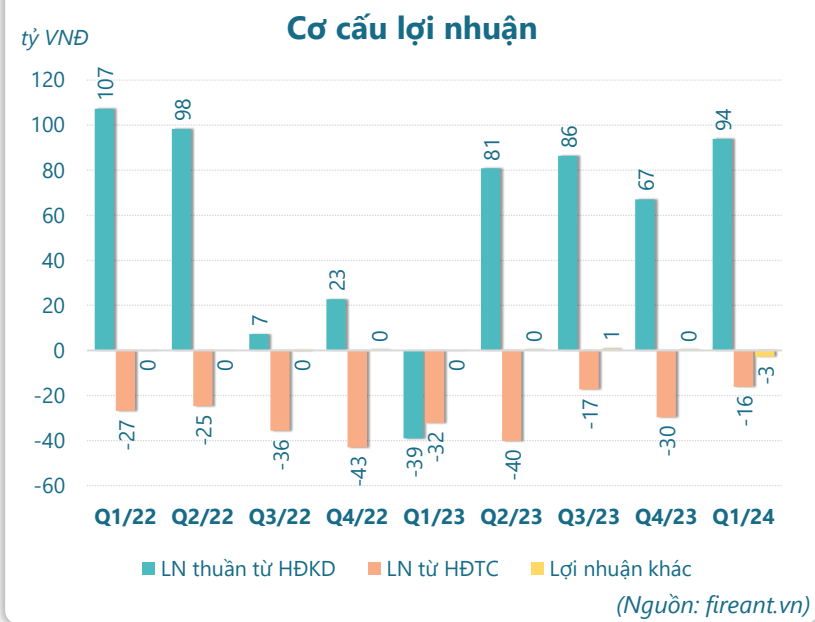
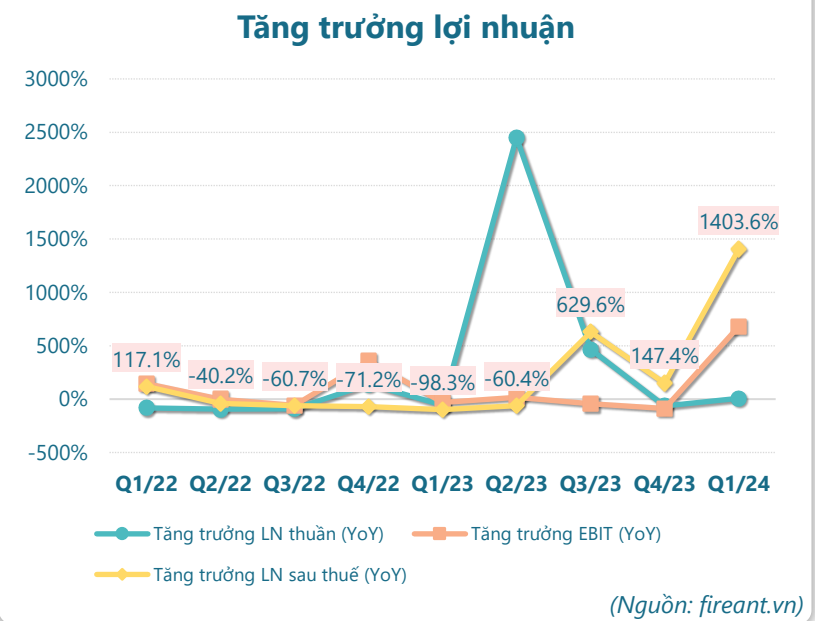
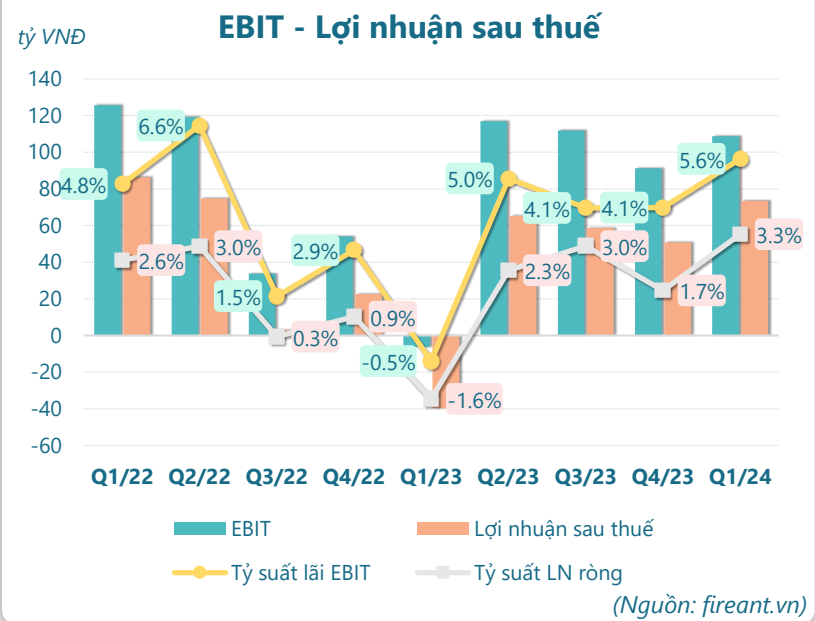
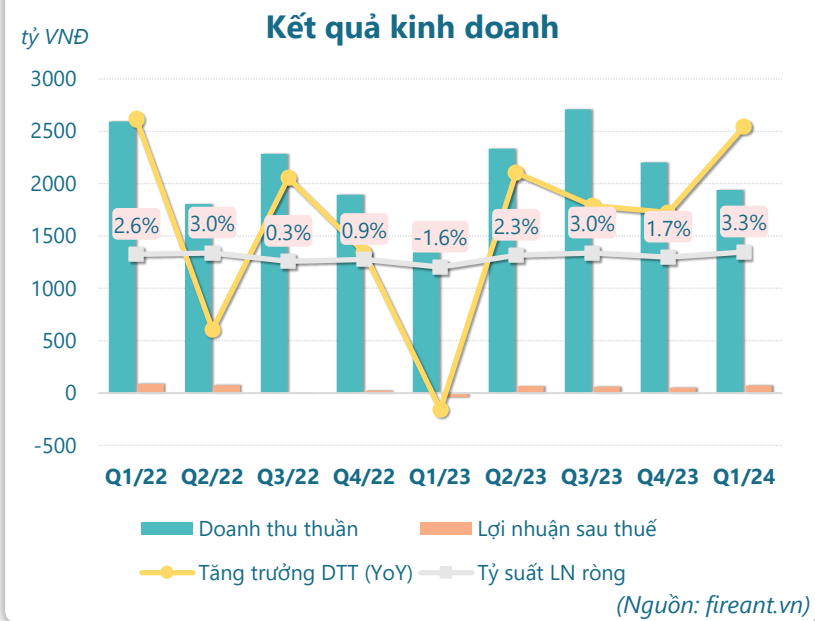
ROE

2023

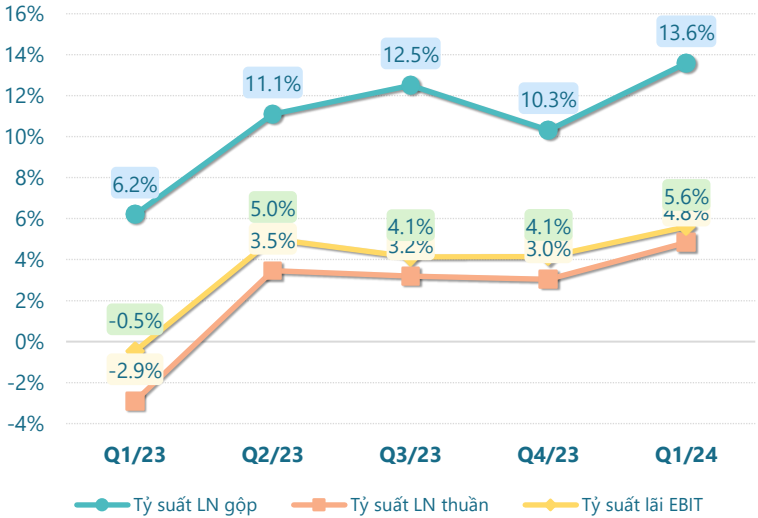
11.2%

+/- YoY: ▲ 0.8%



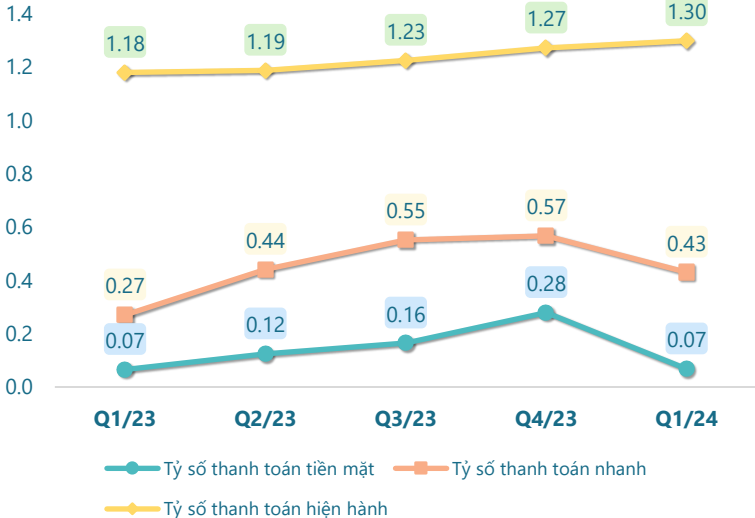


Tỷ suất lợi nhuận



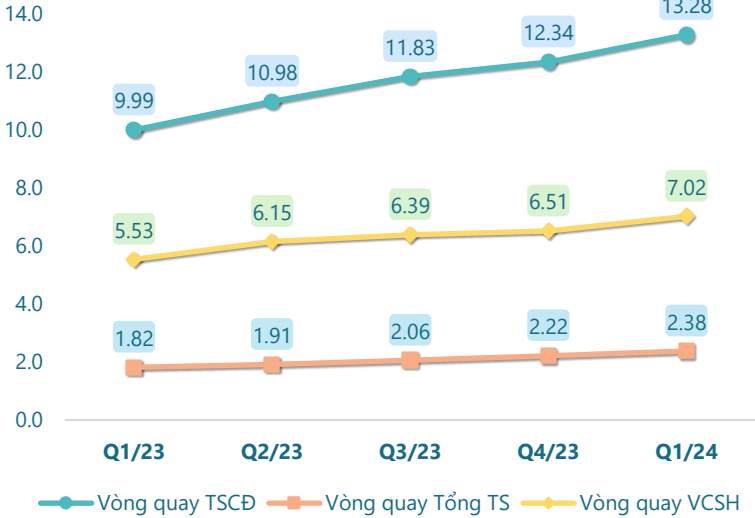
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



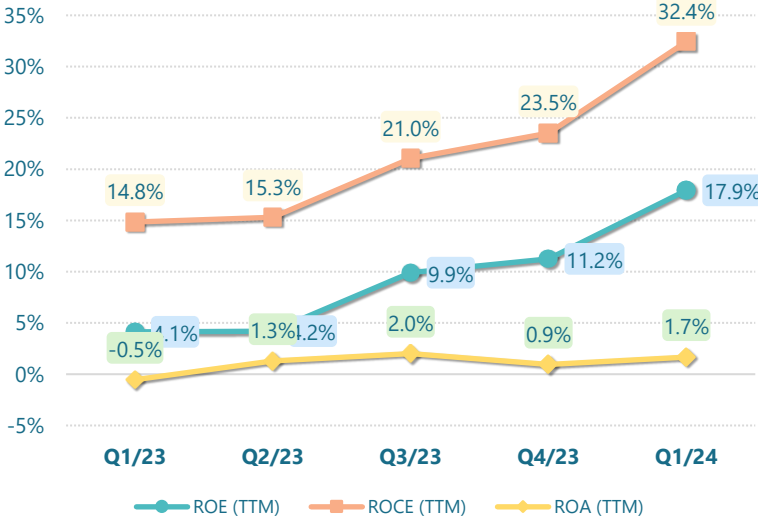
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



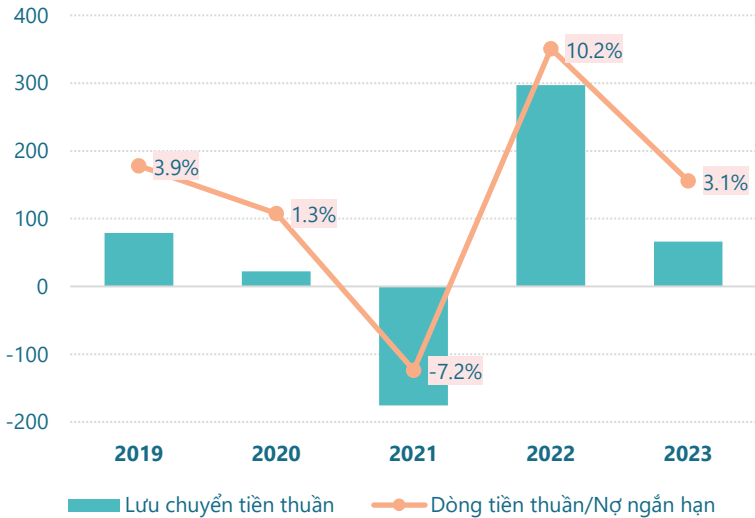
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



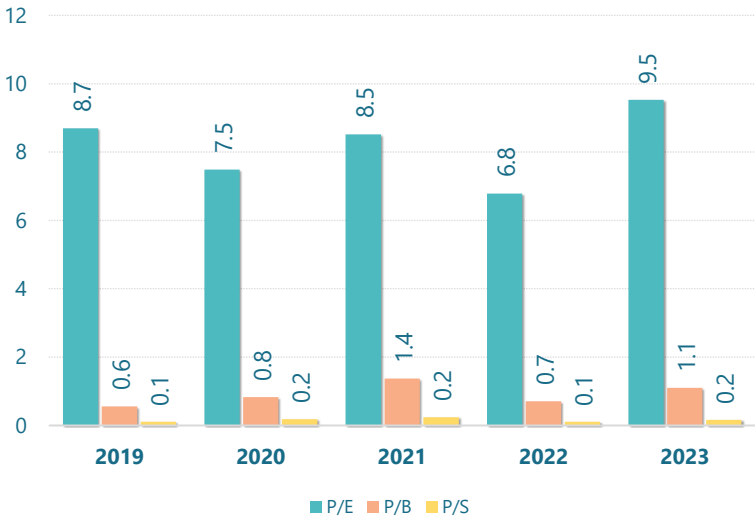
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)